

Số: 301 /BVDL-KD
V/v mời chào giá cung cấp dịch vụ
thẩm định giá vật tư y tế, hóa chất
xét nghiệm

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 5 năm 2023

Kính gửi: Các Công ty cung cấp dịch vụ thẩm định giá

Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng kính mời các Công ty có chức năng thẩm định giá tham gia thẩm định giá vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm của bệnh viện, cụ thể như sau:

- Tên tài sản thẩm định giá: Các mặt hàng theo chi tiết Phụ lục đính kèm.
- Mục đích thẩm định giá: làm cơ sở xây dựng giá gói thầu.
- Đơn vị nhận báo giá: Khoa Dược - Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng, số 91 Dũng Sĩ Thanh Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Số điện thoại liên hệ: 0236.3757567 vào giờ hành chính trừ thứ bảy, chủ nhật, ngày lễ.
- Thời gian nhận báo giá: Từ ngày phát hành thông báo chào giá đến trước 16 giờ ngày 29 tháng 5 năm 2023.

Hồ sơ chào giá gồm:

- + Thư chào giá dịch vụ thẩm định giá;
- + Văn bản chứng minh công ty có chức năng trong việc chào giá tương ứng
- + Hợp đồng tương tự đã ký kết về việc cung cấp dịch vụ thẩm định giá (nếu có).

Lưu ý: Hồ sơ chào giá bỏ vào phong bì, niêm phong kín, bên ngoài ghi rõ nội dung **tham gia chào giá dịch vụ thẩm định giá vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng** để theo dõi. Người tham dự chào giá phải ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ và ký tên khi nộp hồ sơ. Đơn vị chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ chào giá và các Đơn vị chào giá đảm bảo độc lập, không liên quan với nhau.

Rất mong nhận được sự hợp tác của các Công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CNTT để đăng trên Website;
- Lưu: VT, KD.



GIÁM ĐỐC


Kim Văn Hùng

PHỤ LỤC

Danh mục vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm mời dịch vụ thẩm định giá

(Đính kèm Thư mời chào giá số 301 /BVDL-KD ngày 24 tháng 05 năm 2023 của Bệnh viện Da liễu Đà Nẵng)

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
	Hóa chất xét nghiệm huyết học			
1	Dung dịch pha loãng mẫu	- Mục đích: pha loãng máu toàn phần để đo các thành phần tế bào máu - Thành phần chính: + Sodium chloride < 0.9% + Potassium chloride < 0.06% + Đệm (Buffer) < 0.3% + Chất bảo quản (Preservative) < 0.1% - Dung tích \geq 20L Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff	Thùng	42
2	Dung dịch đo 3 thành phần bạch cầu MON, NEU, LYM trong máu	- Mục đích: đo 3 thành phần bạch cầu Trung tính, lympho, mono trong máu -Thành phần chính: + Chất tẩy rửa (Detergent) < 1.5% + Đệm (Buffer) < 2.0% + Chất bảo quản (Preservative) < 1.5% + Thuốc nhuộm (Dye) < 1.0% - Dung tích \geq 1L Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5	Chai	42
3	Dung dịch đo 2 thành phần bạch cầu EO, BASO trong máu	- Mục đích: đo 2 thành phần bạch cầu Eosin, baso trong máu - Thành phần chính: + Chất tẩy rửa (Detergent) < 0.5% + Đệm (Buffer) < 0.6% + Chất bảo quản (Preservative) < 0.7% - Dung tích \geq 500ml	Chai	24


Handwritten signature and initials at the bottom right of the page.

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5		
4	Dung dịch đo Hemoglobin trong máu toàn phần	- Mục đích: đo hemoglobin trong máu - Thành phần chính: + Chất tẩy rửa (Detergent) < 4.0% + Đệm (Buffer) < 1.0% - Dung tích ≥ 500ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5	Chai	24
5	Máu nội kiểm huyết học 5 thành phần	- Mục đích: Nội kiểm mức bình thường, mức bất thường cho xét nghiệm huyết học 5 thành phần. - Thành phần chính: máu toàn phần có khoảng giá trị các thông số tế bào máu. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp máy Auto star diff 5	Lọ	6
	Hóa chất xét nghiệm sinh hóa			
6	Hóa chất Định lượng Albumin [Máu]	- Mục đích: định lượng Albumin trong huyết thanh/huyết tương. - Phương pháp: Đo quang sử dụng bromocresol green. - Giới hạn phát hiện: 1-60 g/L - Thành phần: R1 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng. - Dung tích ≥ 49,5 ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010	Hộp	3
7	Hóa chất Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	- Mục đích: định lượng Bilirubin trực tiếp trong huyết thanh/huyết tương. - Phương pháp: Đo quang sử dụng 2,4-dichloroaniline (DCA). - Giới hạn phát hiện: 1,71-154 μmol/l- Thành phần: gồm R1 và R2.- Dạng	Hộp	4

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng. - Dung tích $\geq 55,5$ ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.		
8	Hóa chất Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	- Mục đích: định lượng Bilirubin toàn phần trong huyết thanh/huyết tương. - Phương pháp: Đo quang sử dụng 2,4-dichloroaniline (DCA). - Giới hạn phát hiện: $1.71-428\mu\text{mol/l}$ - Thành phần: gồm R1 và R2. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng. - Dung tích $\geq 66,9$ ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.	Hộp	3
9	Hóa chất Định lượng Creatinin (máu)	- Mục đích: định lượng Creatinine trong huyết thanh/huyết tương- Phương pháp: Động học không khử protein (Jaffé). - Giới hạn phát hiện: $9-1326\mu\text{mol/l}$ - Thành phần: gồm R1 và R2. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng. - Dung tích $\geq 50,7$ ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.	Hộp	45
10	Hóa chất Định lượng Calci toàn phần (máu)	- Mục đích: định lượng Calcium trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Đo quang, điểm cuối với Phosphonazo III. - Giới hạn phát hiện: $0.025-5\text{ mmol/l}$ - Thành phần: gồm R1 và R2. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng.	Hộp	2

THA
BÊ
L
.OS

U

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		- Dung tích $\geq 66,9$ ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.		
11	Hóa chất định lượng Cholesterol toàn phần [Máu]	- Mục đích: định lượng Cholesterol trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym theo CHOD-PAP - Giới hạn phát hiện: 0.026-19.4 mmol/l - Thành phần: gồm R1. - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng. - Dung tích $\geq 126,8$ ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.	Hộp	17
		- Mục đích: định lượng Gamma-glutamyltransferase trong huyết thanh/huyết tương		
12	Hóa chất Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]	- Phương pháp: Động học enzym theo Szasz chuẩn hoá IFCC - Giới hạn phát hiện: 0.3-1200 U/l - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng. - Dung tích $\geq 310,7$ ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.	Hộp	9
13	Hóa chất định lượng Glucose [Máu]	- Mục đích: định lượng Glucose trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym UV sử dụng hexokinase - Giới hạn phát hiện: 0.056-47.2 mmol/l - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng. - Dung tích $\geq 95,8$ ml Hoặc tương đương	Hộp	27

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		- Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.		
14	Hóa chất Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	- Mục đích: định lượng ASAT (GOT) trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym UV chuẩn hoá IFCC - Giới hạn phát hiện: 2-600 U/l - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng. - Dung tích $\geq 59,7$ ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.	Hộp	64
15	Hóa chất Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	- Mục đích: định lượng ALT (GPT) trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym UV chuẩn hoá IFCC - Giới hạn phát hiện: 2-600 U/l - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng. - Dung tích $\geq 59,7$ ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.	Hộp	64
16	Hóa chất Định lượng Urê máu [Máu]	- Mục đích: định lượng Urea trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Động học enzym UV theo Urease – GLDH - Giới hạn phát hiện: 0.167-50.0 mmol/L - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng. - Dung tích $\geq 77,1$ ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.	Hộp	27



STT	Tên vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
17	Hóa chất Định lượng Triglycerides [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Triglycerides trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: So màu enzym UV sử dụng glycerol-3-phosphate-oxidase - Giới hạn phát hiện: 0.023-11.3 mmol/L - Thành phần: gồm R1 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng. - Dung tích $\geq 126,8$ ml Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010. 	Hộp	17
18	Hóa chất định lượng Protein toàn phần [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Protein trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Đo quang theo Phương pháp biuret - Giới hạn phát hiện: 0.1-150 g/L - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng. Dung tích $\geq 66,9$ ml Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010. 	Hộp	3
19	Hóa chất Định lượng Acid Uric [Máu]	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Uric Acid trong huyết thanh/huyết tương - Phương pháp: Đo quang enzymatic sử dụng TOOS - Giới hạn phát hiện: 3.0-1190 $\mu\text{mol/L}$ - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng. - Dung tích $\geq 70,5$ ml Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010. 	Hộp	3
20	Hóa chất Định lượng HDL-C (High density	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: định lượng Cholesterol Lipoprotein mật độ cao trong huyết thanh/huyết tương 	Hộp	18

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
	lipoprotein Cholesterol) [Máu]	- Phương pháp: Ngưng kết miễn dịch và phản ứng enzymatic - Giới hạn phát hiện: 0.013-3.4 mmol/L - Thành phần: gồm R1, R2 - Dạng hoá chất: sẵn sàng sử dụng. - Lọ hoá chất có Barcode để máy nhận dạng. - Dung tích $\geq 76,2$ ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.		
21	Dung dịch rửa cuvet máy sinh hoá tự động tính acid	- Mục đích: rửa kim hút và cuvet máy sinh hoá tự động - Thành phần chính: Oxalic acid - Dung tích ≥ 500 ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.	Hộp	5
22	Dung dịch rửa cuvet máy sinh hoá tự động tính kiềm	- Mục đích: rửa kim hút và cuvet máy sinh hoá tự động - Thành phần chính: Ethanol amine - Dung tích ≥ 500 ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.	Hộp	5
23	Hóa chất tạo đường chuẩn cho các thử nghiệm hóa sinh HDL- Cholesterol	- Mục đích: tạo đường chuẩn cho các thử nghiệm hóa sinh HDL-Cholesterol. - Dung tích ≥ 6 ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010	Hộp	2
24	Hóa chất tạo đường chuẩn cho các thử nghiệm hóa sinh	- Mục đích: tạo đường chuẩn cho các thử nghiệm trên máy sinh hóa tự động: Albumin, GOT, GPT, Glucose, Bilirubin, Ure, Creatinine, Calcium, Cholesterol, GGT, Protein, Uric acid, Triglycerit,.... - Dung tích ≥ 18 ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	2

Ulu

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		- Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.		
25	Hóa chất nội kiểm mức Bình thường cho các thử nghiệm hóa sinh	- Mục đích: Kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hoá - Nội kiểm mức bình thường cho các thử nghiệm hóa sinh trên máy sinh hóa tự động: Albumin, GOT, GPT, Glucose, Bilirubin, Ure, Creatinine, Calcium, Cholesterol, GGT, Protein, Uric acid, Triglycerit,.... - Dung tích ≥ 30 ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.	Hộp	4
26	Hóa chất nội kiểm mức Cao cho các thử nghiệm hóa sinh	- Mục đích: Kiểm tra chất lượng xét nghiệm sinh hoá - Nội kiểm mức cao cho các thử nghiệm hóa sinh trên máy sinh hóa tự động: Albumin, GOT, GPT, Glucose, Bilirubin, Ure, Creatinine, Calcium, Cholesterol, GGT, Protein, Uric acid, Triglycerit,.... - Dung tích ≥ 30 ml Hoặc tương đương - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương - Phù hợp với máy Sinh hóa tự động Sysmex BX-3010.	Hộp	4
	Hóa chất xét nghiệm RT-PCR			
27	Hóa chất tách chiết DNA/RNA	- Mục đích: tách chiết DNA/RNA - Phương pháp: Tách cột Silica - Phương thức: tách thủ công - Dùng cho mẫu: tế bào nuôi cấy, vi khuẩn, tế bào người, mẫu mô - Thành phần hoá chất không chứa Phenol/Chloroform - Độ tinh sạch: 1.7-2.2 - Bộ hoá chất đầy đủ các loại vật tư như chày nghiền mô,.... - Đạt tiêu chuẩn ISO13485 Hoặc tương đương	Test	1.200
28	Bộ kit định tính HPV	- Mục đích: Định tính Human Papilloma Virus - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: HPV rPCR mix, Negative control, positive control.	Test	900

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Dạng sẵn sàng sử dụng - Độ nhạy 10 copies/ phản ứng - Kiểm soát chất lượng: Tích hợp chứng nội (IC) trong cùng phản ứng với gene đích để kiểm soát âm tính giả - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> - Tương thích với máy PCR-RT AriaMx-Agilent 		
29	Bộ kit định tính và định type HSV1-2	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Định tính và định type Herpes simplex virus - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: HPV rPCR mix, Negative control, positive control. - Loại mẫu: Dịch cơ thể, huyết tương, nước tiểu, máu toàn phần - Kiểm soát chất lượng: Tích hợp chứng nội (IC) trong cùng phản ứng với gene đích để kiểm soát âm tính giả - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> - Tương thích với máy PCR-RT AriaMx-Agilent 	Test	100
30	Bộ kit định tính Neisseria gonorrhoeae	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Định tính Neisseria gonorrhoeae - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: Neisseria gonorrhoeae rPCR mix, Negative control, positive control. - Loại mẫu: tinh trùng, dịch tiết sinh dục, nước tiểu, - Kiểm soát chất lượng: Tích hợp chứng nội (IC) trong cùng phản ứng với gene đích để kiểm soát âm tính giả - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương <ul style="list-style-type: none"> - Phù hợp với máy PCR-RT AriaMx-Agilent 	Test	100
31	Bộ kit định tính Chlamydia trachomatis	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Định tính Chlamydia trachomatis - Phương pháp: Sử dụng Công nghệ đầu dò Taqman probe - Phương thức: PCR-RT - Thành phần hoá chất: Chlamydia trachomatis rPCR mix, Negative control, 	Test	100

DA
NAT

Uda

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		positive control. - Loại mẫu: tinh trùng, dịch tiết sinh dục, nước tiểu, - Kiểm soát chất lượng: Tích hợp chứng nội (IC) trong cùng phản ứng với gene đích để kiểm soát âm tính giả - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương - Tương thích với máy PCR-RT AriaMx-Agilent		
	Hóa chất xét nghiệm chẩn đoán giang mai			
32	Xét nghiệm nhanh chẩn đoán Giang mai (Treponema pallidum test nhanh)	- Mục đích: Phát hiện kháng thể kháng xoắn khuẩn giang mai - Nguyên lý: sắc ký miễn dịch - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Dạng: khay nhựa - Quy cách đóng gói: 1 test trong 1 túi nhôm - Độ nhạy tương đối: >99.2 % - Độ đặc hiệu tương đối: >99.4 %	Test	3.600
		- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương		
33	RPR - Carbon	- Mục đích: Bán định lượng kháng thể không đặc hiệu kháng xoắn khuẩn giang mai - Nguyên lý: ngưng kết hạt - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Dạng: sẵn sàng sử dụng - Độ nhạy: $\geq 80\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 98\%$ - Đóng gói: Thuốc thử, chứng âm, chứng dương. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương	Test	4.500
34	TPHA	- Mục đích: Bán định lượng kháng thể đặc hiệu kháng xoắn khuẩn giang mai - Nguyên lý: ngưng kết hạt - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Dạng: sẵn sàng sử dụng	Test	4.500

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Độ nhạy: $\geq 99.6\%$ - Độ đặc hiệu: 100% - Đóng gói: Dung dịch pha loãng, chứng âm, chứng dương, Control cell, test cell - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương		
35	RPR Gen.2	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Định lượng kháng thể đặc hiệu kháng xoắn khuẩn giang mai - Nguyên lý: Miễn dịch đo độ đục trên máy sinh hoá tự động - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Dạng: sẵn sàng sử dụng - Độ nhạy: $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$ - Giới hạn phát hiện: 0,5-8 RU - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương	Test	250
36	Hóa chất tạo đường chuẩn cho xét nghiệm RPR Gen 2	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Tạo đường chuẩn cho xét nghiệm RPR Định lượng kháng thể kháng xoắn khuẩn giang mai - Dạng: sẵn sàng sử dụng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	1
37	Hóa chất nội kiểm xét nghiệm RPR Gen 2	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Nội kiểm cho xét nghiệm RPR Định lượng kháng thể kháng xoắn khuẩn giang mai - Dạng: sẵn sàng sử dụng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	1
38	TPLA Gen 2	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: Định lượng kháng thể đặc hiệu kháng xoắn khuẩn giang mai - Nguyên lý: Miễn dịch đo độ đục trên máy sinh hoá tự động - Mẫu thử: Huyết thanh, huyết tương - Dạng: sẵn sàng sử dụng - Độ nhạy: $\geq 99\%$ - Độ đặc hiệu: $\geq 99\%$ - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương	Test	250

STT	Tên vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
39	Hoá chất tạo đường chuẩn cho xét nghiệm TPLA Gen 2	- Mục đích: Tạo đường chuẩn cho xét nghiệm TPLA Định lượng kháng thể đặc hiệu kháng xoắn khuẩn giang mai - Dạng: sẵn sàng sử dụng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	1
40	Hoá chất nội kiểm xét nghiệm TPLA Gen 2	- Mục đích: Nội kiểm cho xét nghiệm TPLA Định lượng kháng thể đặc hiệu kháng xoắn khuẩn giang mai - Dạng: sẵn sàng sử dụng - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Hoặc tương đương	Hộp	1
	Bộ kit thu hoạch huyết tương giàu tiểu cầu (PRP)			
41	Bộ kit tách chiết huyết tương giàu tiểu cầu (PRP)	Bộ kit gồm: + 01 kim bướm lấy máu; 01 ống rút máu + 02 ống trộn PRP vô trùng + 02 ống tiêm : 1 ống 5ml, 1 ống 1 ml + 03 kim tiêm: 1 kim 18 G, 1 kim 21 G, 1 kim 30 G + 01 ống trộn dung dịch chiết tách vô trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	135
	Găng tay khám bệnh			
42	Găng tay khám bệnh	Găng tay y tế chất liệu cao su thiên nhiên, có bột, chưa tiệt trùng. Kích thước: size S, M	Đôi	111.500